TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 318/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 23 – 12 – 2025
"Về tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hứa Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trường Hận

2. Ông Duyên Văn Hiền

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Tuyết Ngân, là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 23 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 399/2025/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 399/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị H , sinh năm: 1968 (xin vắng mặt).

Căn cước công dân số: 096168002352, cấp ngày 07/5/2025.

Địa chỉ: Ấp C.5A, xã Đ.B, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Ông Lâm Hoàng M, sinh năm: 1967 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C.5A, xã Đ.B, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 04/9/2025 và biên bản đề nghị vắng mặt ngày 24/11/2025, bà Lê Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Lâm Hoàng M xác lập quan hệ hôn nhân và chung sống vợ chồng vào khoảng năm 1987, nhưng đến năm 2004 mới đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã K.B.T, huyện T, tỉnh Cà Mau, nay là xã Đ.B, tỉnh Cà Mau. Hôn nhân được xác lập trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức hỏi cưới theo phong tục, tập quán và được gia đình hai bên chấp thuận.

Quá trình chung sống, bà H cho rằng lúc đầu vợ chồng vẫn hạnh phúc, đến khi con lớn thì tình cảm vợ chồng không còn gắn bó, thường xuyên gây rỗ, cải vả, cuộc sống không còn hạnh phúc, từ đó mâu thuẫn kéo dài mà không có cách khắc phục nên bà và ông M mỗi người sống một nơi khoảng 04 năm nay. Do đó, bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lâm Hoàng M.

- Về con chung: Bà H xác định giữa bà và ông M có 03 người con chung là Lâm Như Y, sinh năm 1988; Lâm Kiều Tr, sinh năm 1990; Lâm Thị Y1, sinh năm 1997, hiện các cháu đã lập gia đình và có cuộc sống ổn định nên không đặt ra trách nhiệm nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà H xác định tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Bà H khai rằng giữa bà và ông M không có nợ ai và không ai nợ lại ông, bà.

* Trong văn bản trình bày ý kiến ngày 21/11/2025, ông Lâm Hoàng M trình bày:

Về hôn nhân: Ông kết hôn với bà Lê Thị H thời gian nào ông không nhớ, thời gian sống chung do bất đồng quan điểm nên bà H bỏ nhà đi. Nay ông không đồng ý ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông và bà H có 03 người con chung hiện đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Khi bà H đi có mang theo 07 chỉ vàng 24K, đưa cho con gái 3,5 chỉ vàng 24K và 12.500.000đ. Trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ông ly hôn thì yêu cầu bà H phải giao lại cho ông số vàng và tiền nêu trên.

Tại phiên tòa, ông M vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Về loại việc tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Tranh chấp giữa bà Lê Thị H và ông Lâm Hoàng M là tranh chấp về ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với việc vắng mặt của ông Lâm Hoàng M: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến phiên tòa để tham gia xét xử vụ án, do ông M trực tiếp nhận và thông qua con gái ruột ông M là Lâm Thị Y1 nhận thay, có cam kết giao lại ngay tận tay cho ông M các văn bản tố tụng nhưng ông M vẫn không có ý kiến phản hồi đồng thời cũng không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông M theo quy định. Đối với việc đề nghị vắng mặt của bà Lê Thị H, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà H theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Bà Lê Thị H và ông Lâm Hoàng M xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, có đăng ký kết hôn vào năm 2004 và đủ điều kiện kết hôn theo luật định nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Quá trình chung sống, do vợ chồng có nhiều điểm bất đồng trong cuộc sống, thường xuyên cải vã, gây rỗ, dẫn đến tình cảm sức mẻ, không quan tâm, chăm sóc, cảm thông, chia sẻ lẫn nhau. Xét mâu thuẫn thực tế là có nhiều mâu thuẫn, nhận thấy về mục đích hôn nhân không đạt. Bởi lẽ, trong cuộc sống vợ chồng của ông, bà, mỗi người đều có cách sống, cách nghĩ khác nhau. Từ đó, giữa vợ chồng đã nhiều lần cải vã, làm mất lòng tin đối với nhau, mỗi người có cuộc sống và mối quan hệ riêng tư, không quan tâm, giúp đở lẫn nhau. Mặt khác, sau khi xảy ra mâu thuẫn, bà H và ông M tự sống riêng khoảng 04 năm nay để ông, bà tự hoà nhằm hàn gắn tình cảm vợ, chồng nhưng không có hiệu quả. Thời gian này để cho ông, bà có điều kiện thử thách bản thân, suy ngẫm về cuộc sống vợ chồng đã qua nhằm tìm cách tháo gỡ, khắc phục khuyết điểm của mỗi bên để vợ, chồng đoàn tụ nhưng không ai có biện pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn và cũng không quan tâm, thăm hỏi, giúp đỡ lẫn nhau. Bên cạnh đó, bà H cương quyết ly hôn, nếu không được xem xét thì bà cũng không thể quay lại chung sống với ông M, vì tình cảm không còn và tương lai, hạnh phúc cũng không có. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà H được ly hôn ông M là có căn cứ.

[3] Về con chung: Xét thấy cháu Lâm Như Y, cháu Lâm Kiều Tr, cháu Lâm Thị Y1 đã thành niên, có gia đình và cuộc sống ổn định nên không xem xét trách nhiệm nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Bà H xác định tự thỏa thuận. Ông M có đặt ra yêu cầu bà H trả lại, Tòa án đã thông báo cho ông M thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định nhưng đã hết hạn theo thông báo mà ông M không thực hiện nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà H khai rằng giữa bà và ông M không có nợ ai và không ai nợ lại ông, bà nên không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị H về việc ly hôn ông Lâm Hoàng M.

2. Về con chung: Đã thành niên.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, bà Lê Thị H phải chịu 300.000đ. Ngày 06 tháng 11 năm 2025, bà H đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số: 4077 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau được đối trừ chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Quyền kháng cáo: Bà Lê Thị H và ông Lâm Hoàng M được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 3 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 3 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ.B, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

Hứa Minh Hải